

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày: 09 - 01 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ.

Ông Trịnh Bá Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2017/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2017/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Phạm Thị T, sinh năm 1963.

Nơi ĐKKHKT: Số 10 TDP 11, phường V, thành phố Nh, tỉnh Ninh Bình;
Chỗ ở: Thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: lao động tự do;
Trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không;
Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Duy Q, sinh năm 1932; Con bà Lưu Thị N, sinh năm 1934; Gia đình có 8 anh chị em, bị cáo là con thứ 4; Chồng: Cao Hùng C (đã chết); Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 19/8/2009 TAND huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng , về tội “Môi giới mại dâm”.

Ngày 15/3/2010 TAND tỉnh Nam Định xử phạt 51 tháng tù giam, về tội “Môi giới mại dâm”. Được đặc xá ngày 31/8/2011. Bị bắt từ ngày 15/10/2017. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 9/2017 Phạm Thị T thuê lại ngôi nhà ở mặt đường 10, thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định của anh Nguyễn Văn B, trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định với giá 3.000.000đồng/1 tháng để mở quán cà phê giải khát lấy biển hiệu “BT” nhưng chưa có đăng ký kinh doanh. Đầu tháng 10/2017, T sửa chữa lại và chia nhà thành 03 phòng để bán cà phê và tổ chức hoạt động chứa mại dâm ngay tại quán cà phê. T đã nuôi 02 gái mại dâm là Phùng Thị H, sinh năm 1989, trú tại xã T, huyện C, thành phố Hà Nội và Len Thị A(tức H) sinh năm 1987, trú tại xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá để khi có khách mua dâm thì bán dâm cho khách ngay tại quán. T thống nhất với gái bán dâm, mỗi lần có khách mua dâm thì T sẽ thu của khách 200.000đồng một lượt đi nhanh còn qua đêm là từ 500.000đồng đến 700.000đồng rồi trả cho gái mại dâm 90.000đồng một lượt đi nhanh và một nửa tiền bán dâm qua đêm, số còn lại T chiếm hưởng.

Khoảng 21 giờ 30’ ngày 14/10/2017, T có việc đi ra ngoài nên có dặn hai gái mại dâm là H và A trông quán nếu có khách mua dâm thì tự bán dâm cho khách tại phòng của quán, thu tiền bán dâm sau rồi đưa lại cho T. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Hoàng Đức K, sinh năm 1993, trú tại Thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định đến quán cà phê BT để mua dâm, gặp H và A có hỏi “chủ quán đâu” cả H và A đều nói “chủ quán đi vắng chỉ có hai bọn em, anh có đi không”. K hỏi giá bao nhiêu, cả H và A đều nói là 200.000đồng. Sau đó K chỉ tay vào A bảo “em đi với anh”. Lúc này A biết là người thanh niên này chọn mình để mua dâm nên đã đồng ý và tự dẫn K vào phòng nghỉ số 3 để quan hệ tình dục. Trước khi vào phòng, K đã đưa cho H 200.000đồng trả tiền mua dâm. Ít phút sau T về quán, H đã đưa cho T số tiền 200.000đồng mà K vừa trả để mua dâm A. Lúc này Phạm Quang C, sinh năm 1969, trú tại phường C, thành phố N đến quán cà phê BT gặp T đặt vấn đề tìm gái để mua dâm, T đồng ý rồi thoả thuận giá mua dâm là 200.000đồng. C đồng ý và T đã bố trí cho H với C vào phòng thứ 2 của quán cà phê để mua bán dâm. C chưa trả tiền mua dâm cho T. Khoảng 22 giờ 15’ cùng ngày, khi H và C đang mua bán dâm thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định phát hiện bắt quả tang. Thời điểm bắt quả tang thì tại phòng số 3 K và A vừa mua bán dâm xong. Quá trình bắt giữ, cơ quan điều tra đã thu giữ 02 bao cao su đã qua sử dụng, thu trên người Phạm Thị T số tiền là 5.920.000đồng, 04 điện thoại di động đã qua sử dụng và 01 tờ giấy A4 có ghi số, chữ.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra, Phạm Thị T và các đối tượng mua bán dâm đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. T khai nhận mới tổ chức hoạt động mại dâm được khoảng 10 ngày và thu lời bất chính được khoảng 2.500.000đồng.

Đối với các đối tượng mua bán dâm gồm: Hoàng Đức K, Phạm Văn C,

Phùng Thị H, Lèn Thị A cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã xử lý vi phạm hành chính.

Đối với anh Nguyễn Văn B là chủ nhà đã cho Phạm Thị T thuê nhà để mở quán cà phê, không biết việc kinh doanh mại dâm của T nên không xem xét xử lý.

Đối với 04 chiếc điện thoại thu giữ, cơ quan điều tra đã làm rõ có 02 chiếc điện thoại là của Đinh Hoàng H, sinh năm 1979, trú tại phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình đến quán của T chơi để quên nên cơ quan điều tra đã trả lại cho H. Số vật chứng còn lại đã nhập kho vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 103/QĐ-KSĐT ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố: Bị cáo Phạm Thị T về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Thị T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và trình bày: đến nay bị cáo rất ăn năn hối hận về việc làm của mình. Hiện con lớn bị nhiễm HIV phải nằm viện điều trị, con nhỏ ở với anh nay anh nằm viện nên không biết ở với ai, gia đình rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên mong Hội đồng xét xử xem xét miễn phạt tiền cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Chứa mại dâm”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm C khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm C khoản 2 Điều 327; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Phạt bị cáo Phạm Thị T từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo Phạm Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; Lời khai của người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Khoảng 22 giờ 00’ ngày 14/10/2017, tại quán cà phê BT (có địa chỉ tại đường 10 thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định) do Phạm Thị T làm chủ. Lợi dụng việc mở quán bán cà phê,

Phạm Thị T đã tổ chức cho Hoàng Đức K mua bán dâm với Len Thị A với giá 200.000đồng sau đó tổ chức cho Phạm Văn C mua bán dâm với Phùng Thị H với giá 200.000đồng. Khi C và H đang mua bán dâm thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, bị cáo T còn khai nhận, trong khoảng 10 ngày trước đó đã tổ chức hoạt động mại dâm tại quán cà phê BT và đã chiếm hưởng được số tiền là 2.500.000đồng.

Hành vi của Phạm Thị T sắp xếp bố trí cho các đối tượng mua bán dâm tại quán cà phê do mình làm chủ nhằm mục đích thu lợi bất chính đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm”. Hoàng Đức K đến quán cà phê BT gặp và thực hiện mua dâm với A trước, ít phút sau T về quán lúc này Phạm Quang C đến quán cà phê BT gặp T đặt vấn đề tìm gái để mua dâm. T đã bố trí cho H với C vào phòng thứ 2 của quán cà phê để mua bán dâm. Khi H và C đang mua bán dâm thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định phát hiện bắt quả tang. Thời điểm bắt quả tang thì tại phòng số 3 K và A vừa mua bán dâm xong. Như vậy, việc bố trí cho K và C là hai khách đến mua dâm độc lập thực hiện việc mua dâm tại quán do T làm chủ nên Phạm Thị T phải chịu tình tiết định khung là phạm tội nhiều lần. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đạo đức xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, trái với đạo đức của dân tộc Việt Nam. Đây là một trong những nguyên nhân làm lây truyền các bệnh xã hội, làm ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “Môi giới mại dâm” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân làm ăn lương thiện mà vì mục đích tư lợi hám lời vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và đáp ứng công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo đã có tác động đến gia đình và ngày 05/01/2018 gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo số tiền thu lợi bất chính 2.500.000đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, con lớn bị mắc bệnh HIV đang phải nằm viện điều trị nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Đối với tội “Chứa mại dâm” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 có mức hình phạt là từ năm năm đến mười lăm năm tù. Nhưng, tội “Chứa mại dâm” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt là từ 05 năm đến 10 năm tù.

Theo quy định của khoản 3 Điều 7 BLHS 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14, thực hiện nguyên tắc có lợi, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm C khoản 2 Điều 327 của BLHS 2015 làm căn cứ để quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Thị T.

[4] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên sẽ áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo ở mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và làm gương cho kẻ khác.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; Con nhỏ sinh năm 2002 ở cùng với con trai lớn của bị cáo nhưng hiện con trai lớn cũng đang phải nằm viện điều trị vì nhiễm HIV. Hội đồng xét xử xét và miễn hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo Phạm Thị T đã chiếm hưởng bất chính từ việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T còn tự khai nhận đã chiếm hưởng số tiền bất chính là 2.500.000đồng. Ngày 05/01/2018 người thân của bị cáo là Phạm Phú Q đã nộp số tiền trên theo biên lai thu tiền số 08467 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 07 bao cao su chưa qua sử dụng; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 tờ giấy khổ A4 có ghi chữ và các con số có chữ ký của Phạm Thị T không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án;

- Số tiền 2.500.000đồng là tiền thu lời bất chính nên sẽ tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước; Số tiền thu giữ của bị cáo 5.920.000đồng trong đó có 200.000đồng là tiền của khách mua dâm trả, được xác định là tiền thu lời bất chính nên sẽ tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 200.000đồng, số tiền còn lại sẽ trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án;

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 254 BLHS 1999; điểm c khoản 2 Điều 327 BLHS 2015; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự 1999;

Truy thu của bị cáo Phạm Thị T số tiền 2.500.000đồng chiếm hưởng bất chính do phạm tội mà có (Người thân của bị cáo là Phạm Phú Q đã nộp thay số tiền trên cho bị cáo theo biên lai thu tiền số 08467 ngày 05/01/2018 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS; Điều 76 BLTTHS.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Thị T 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đồng. Đối trừ số tiền thu giữ của bị cáo 5.920.000đồng, hoàn trả lại cho bị cáo Phạm Thị T 5.720.000đồng, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ các vật chứng còn lại đã thu giữ trong vụ án.

(Chi tiết cụ thể ghi trong biên bản giao nhận vật chứng số 18/18 ngày 04/12/2017 giữa phòng PC45 – Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định; Biên lai thu tiền số 08467 ngày 05/01/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định; Ủy nhiệm chi số 04 ngày 05/12/2017 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định).

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo bị cáo Phạm Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA; VKS tỉnh ND.
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại giam Đại An;
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng.

